

**Danh sách chủ thẻ TDQT vàng chuẩn nhận thưởng CTKM chi tiêu nước ngoài đợt 2,3
CT "Rực rỡ mùa lễ hội cùng thẻ BIDV"**

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
1	122	2777957	SU BUI BAO NGOC	411153XXX5129	300,000
2	130	0062117	NGUYEN THI THUY AI	411153XXX3110	300,264
3	120	2804295	PHAM THI NGOC LAN	411153XXX1102	300,000
4	151	0040422	DO QUOC HUNG	411153XXX2148	300,000
5	260	0135623	DINH PHUONG THAO	411153XXX2115	248,125
6	310	0097228	HA TRUONG BICH TUY	411153XXX5135	127,387
7	215	2918833	NGUYEN BICH VAN	411153XXX5129	339,262
8	215	2918813	VU THI TUYET NHUNG	411153XXX6135	300,000
9	215	2404537	NGUYEN ANH TUAN	411153XXX9121	300,000
10	123	0288408	DAO MINH VAN	411153XXX7219	119,141
11	120	1932823	TRAN THANH MY	411153XXX3306	300,000
12	215	2990209	VU THI KIM DUNG	411153XXX0106	300,000
13	120	0139767	CHU THI DIEU HONG	411153XXX1122	166,011
14	120	2002304	NGUYEN THE HIEN	411153XXX2109	300,000
15	211	0137073	VU PHUONG LINH	411153XXX4337	300,000
16	314	5514827	NGHIEM XUAN VAN	411153XXX1102	123,866
17	260	1237187	BUI KHANH THI	411153XXX2126	300,000
18	390	1444995	DUONG CONG LIEM	411153XXX7103	300,000
19	760	0600517	DOAN HUU THUAN	411153XXX5127	300,000
20	120	1021012	DO THI PHUONG TRANG	411153XXX4109	300,000
21	122	5285274	HOANG KIM ANH	411153XXX9109	300,000
22	215	1759657	PHAM THUY LINH	411153XXX7207	300,000
23	433	1651693	VUONG TU HONG	411153XXX0118	283,368
24	119	1258219	NGUYEN DINH TUAN VIET	411153XXX0123	226,153
25	125	0286917	CAO TUNG LAM	411153XXX9109	300,000
26	310	1442652	DUONG HUYNH HOA	411153XXX7236	255,372
27	310	3185471	TRUONG MINH THUAN	411153XXX9116	197,431
28	215	2056597	HOANG HUNG	411153XXX0105	170,143
29	432	0259239	LE THI NGHIA	411153XXX0110	300,000
30	130	1589270	NGUYEN PHUOC DUY DUC	411153XXX7205	194,407
31	144	0081836	NGUYEN THI MAI NGA	411153XXX2102	205,739
32	760	3412564	LE XUAN HUNG	411153XXX8122	300,000
33	313	3549311	NGUYEN KHAC LINH	411153XXX6135	300,000
34	310	0924496	LE ANH TRUNG	411153XXX6220	300,000
35	144	748895	DOAN TA CUU LONG	411153XXX5215	113,943
36	135	3556179	VU THI PHUONG MAI	411153XXX6137	300,000
37	140	0057085	VU THI MAI LAN	411153XXX3108	173,848
38	310	0962058	PHAN NGOC THANH	411153XXX2125	300,000

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
39	214	2681187	NGUYEN HAI YEN	411153XXX2105	193,840
40	213	137762	PHAM THI HONG HANH	411153XXX4105	274,824
41	130	3636048	VU DUY ANH	411153XXX6125	283,071
42	126	1727085	NGUYEN THANH THONG	411153XXX6119	300,000
43	670	3150616	NGUYEN THI KIM SANG	411153XXX3118	177,997
44	310	1382778	DUONG THI HANG	411153XXX6125	300,000
45	120	3685399	BUI THU HUONG	411153XXX4119	300,000
46	313	1229395	DANG CONG CHUAN	411153XXX6114	300,000
47	214	3672383	NGUYEN TRONG DOAN	411153XXX7119	300,000
48	450	0903958	NGUYEN SON TUNG	411153XXX2207	263,410
49	651	0090112	NGUYEN THE VU	411153XXX0115	272,113
50	214	3700828	LE THI NGOC	411153XXX7218	300,000
51	651	0088806	VUONG THI HONG CHAU	411153XXX9129	283,560
52	432	0830717	NGUYEN VAN LUONG	411153XXX3125	300,000
53	427	0563595	NGUYEN XUAN THANH	411153XXX0110	119,144
54	321	203387	NGUYEN QUYNH ANH	411153XXX1316	133,761
55	122	3845127	HOANG NHU QUYNH	411153XXX1125	300,000
56	122	3845135	VU VAN KHUONG	411153XXX9110	300,000
57	701	2156314	NGUYEN THUONG NHAT VI	411153XXX0200	300,000
58	124	3380554	NGUYEN DUC ANH	411153XXX1107	300,000
59	121	2941354	DAM NGOC TRAM	411153XXX3110	262,954
60	650	0092639	TRAN KIM PHUNG	411153XXX8101	162,728
61	260	3987813	LAM NGOC THAI	411153XXX8109	227,330
62	122	0504125	NGUYEN ANH PHONG	411153XXX2117	300,000
63	150	2386464	NGUYEN THI TRA GIANG	411153XXX9106	300,000
64	580	0309507	MAN VU NGOC DUY	411153XXX9223	116,355
65	125	1659446	NGUYEN VAN QUANG	411153XXX5123	279,948
66	211	1411719	PHAM HUNG	411153XXX1111	300,000
67	125	0138651	LAI HOAI LINH	411153XXX4208	114,316
68	124	0007568	DINH THI THUY NGA	411153XXX6127	175,298
69	615	0664033	MAI VAN CU	411153XXX3118	300,000
70	211	1318849	VU HUU HOANG	411153XXX3115	300,000
71	215	4432199	NGUYEN THI SAM	411153XXX8107	437,182
72	120	140349	TRAN ANH TUAN	411153XXX5133	300,000
73	315	98269	TRAN CHI HIEU	411153XXX3125	172,096
74	651	4458043	NGO THI TAM	411153XXX6205	300,000
75	222	4037999	NGUYEN DIEP ANH	411153XXX9208	106,809
76	650	3354618	DO THU SANG	411153XXX5102	155,561
77	650	1135672	NGUYEN THI KIM NGUYEN	411153XXX2103	300,000
78	310	0105669	LE THI NGOC THUY	411153XXX5111	300,000
79	151	4501147	MASAMI KONDO	411153XXX1129	491,235

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
80	122	2137761	LE VU HA MINH	411153XXX2211	300,000
81	122	4472498	HOANG THU TRANG	411153XXX8109	300,000
82	120	0978668	PHAM THI KIM DUC	411153XXX4114	159,556
83	710	1501845	TRINH HUU DUC	411153XXX7115	204,973
84	222	5111385	PHAM THI THUY CHI	411153XXX9137	154,560
85	314	4490360	DUONG THI DAO	411153XXX8103	300,000
86	141	4618281	HOANG VAN DUNG	411153XXX7111	150,514
87	211	137012	BUI THI VIET HOA	411153XXX8123	300,000
88	615	0665984	LU TUYET THU	411153XXX7308	300,000
89	121	4649511	NGUYEN THI MINH TRANG	411153XXX9203	224,471
90	323	0977255	VU MINH TUAN	411153XXX1109	300,000
91	641	0592042	HOANG DUC TRUONG	411153XXX8105	172,913
92	651	4211627	BUI THI LINH TRANG	411153XXX5107	300,000
93	652	3658745	DAO THI HONG NGOC	411153XXX5213	172,046
94	123	0357803	PHAM THY THO	411153XXX4126	300,000
95	710	2187925	HOANG NHU NGHI	411153XXX2106	214,820
96	561	497331	NGUYEN HUY PHUONG	411153XXX5108	300,000
97	440	0479749	NGUYEN VAN CUONG	411153XXX0105	300,000
98	140	2941414	NGUYEN TIEN DUC	411153XXX7108	239,359
99	314	3832512	TRUONG HUNG	411153XXX9119	300,000
100	445	1189124	VU QUANG HUNG	411153XXX8104	300,000
101	150	0234393	TRAN THI QUYEN	411153XXX8101	127,691
102	460	546392	TRAN VAN CHINH	411153XXX0104	117,054
103	760	2839300	VO VAN HUNG	411153XXX4129	128,251
104	395	2713967	LE SY HAO	411153XXX6106	300,000
105	214	2944447	TRAN VAN HIEN	411153XXX2102	186,212
106	371	3438732	TRAN HUONG LY	411153XXX0314	164,626
107	651	0088148	DUONG DIEM QUYNH	411153XXX4108	300,000
108	651	1499448	HUYNH PHUC YEM THONG	411153XXX3103	124,970
109	315	94503	NGUYEN T XUAN PHUONG	411153XXX3106	215,334
110	125	5171878	NGUYEN THI MINH HA	411153XXX7102	149,142
111	650	2634179	HO TRONG TIN	411153XXX0214	300,000
112	130	0066487	MAI THI CONG DANH	411153XXX7127	300,000
113	122	24283	NGUYEN THI VAN	411153XXX1118	300,000
114	126	4528449	NGO VAN PHAT	411153XXX0118	600,000
115	125	2580153	NGUYEN THU PHUONG	411153XXX5117	300,000
116	168	4900205	LE DANG KHOA	411153XXX2111	118,447
117	315	4889504	HUYNH TRONG HUY	411153XXX6111	300,000
118	130	821014	NGUYEN BA YUMI	411153XXX4200	300,000
119	211	5385784	PHAM MAI ANH	411153XXX6202	178,328
120	260	0272032	DAO THI THU VINH	411153XXX9102	300,000

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
121	214	0160796	TRAN DUC Y	411153XXX9105	115,703
122	310	4928965	TRAN THANH NHAN	411153XXX6117	300,000
123	561	1796579	LE VAN BICH	411153XXX4127	300,000
124	123	1470351	PHAM HONG LINH	411153XXX8108	300,000
125	125	2148121	TRAN MINH NGUYET	411153XXX0113	300,000
126	561	248067	NGUYEN QUANG THUAN	411153XXX8105	206,318
127	215	2225545	NGO THI LE THU	411153XXX9101	234,121
128	651	5593356	NGUYEN THANH TUNG	411153XXX3106	300,000
129	211	0036221	LUONG HIEN ANH	411153XXX5219	131,952
130	330	5613905	DAO MANH HUNG	411153XXX3227	44,862
131	260	161973	LE VIET ANH	411153XXX9307	137,571
132	670	5232027	DO THI LAN DAI	411153XXX0103	184,375
133	601	4964529	PHAN TUAN ANH	411153XXX4114	292,127
134	670	0750439	NGUYENTHITHUYDUONG	411153XXX1122	600,000
135	330	2123282	DUONG QUANG VAN	411153XXX0107	300,000
136	222	0624203	TRAN THI NHUNG	411153XXX4204	300,000
137	561	4514666	TRAN HUU TUAN	411153XXX4103	300,000
138	215	622266	DO THI HONG	411153XXX4100	300,000
139	222	1435250	TRINH THI NGOC LAN	411153XXX1101	300,000
140	130	5836582	NGUYEN THI THU THAO	411153XXX4112	175,669
141	311	1279813	HUA THI LIEN	411153XXX9103	147,697
142	168	3280075	NGUYEN HAI PHONG	411153XXX0109	151,073
143	661	979544	NGUYEN THI XUAN HOA	411153XXX5207	139,794
144	651	5989056	NGUYENKIEUYENPHUONG	411153XXX0206	300,000
145	151	4844420	NGUYEN THI HONG NGOC	411153XXX5107	300,000
146	601	6031355	LUONG THE HUNG	411153XXX5112	129,301
147	130	0893973	DINH XUAN VINH	411153XXX3108	115,542
148	520	1689244	NGUYEN CONG TUYEN	411153XXX9114	115,750
149	124	22308	NGUYEN THI HUONG LINH	411153XXX1106	300,000
150	216	4910302	LE QUOC HOI	411153XXX3102	300,000
151	125	5261283	PEREZ ARROYO SALVADOR	411153XXX4108	300,000
152	651	5451648	HSIEN WEN CHU	411153XXX7301	300,000
153	120	0397853	TRAN QUANG DUC	411153XXX6120	300,000
154	211	2205653	NGUYEN HUY TUAN	411153XXX2110	300,000
155	651	5104078	LEE VEE	411153XXX4125	300,000
156	650	1969724	BUI THI LAN	411153XXX9111	300,000
157	650	2245541	HOANG TAN LOC	411153XXX8213	300,000
158	315	397674	DANG MAI PHUONG	411153XXX2107	300,000
159	651	2261724	NGUYEN THI THANH VAN	411153XXX3112	300,000
160	371	1775705	HOANG THI BINH	411153XXX8105	300,000
161	466	6125773	HYON KWON SOO	411153XXX6124	111,902

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
162	132	2744546	LE THANH NHAN	411153XXX2307	300,000
163	216	10483	NGUYEN MINH ANH	411153XXX0206	180,969
164	321	4696069	NGUYEN THI BICH DUNG	411153XXX2100	300,000
165	652	3385582	DO TAN PHAT	411153XXX4228	300,000
166	120	3554305	NGUYEN T THANH HUONG	411153XXX0107	300,000
167	121	2921453	NGUYEN ANH TUAN	411153XXX7114	210,243
168	650	4279453	LE ANH TRUNG	411153XXX1212	129,535
169	652	6405125	DO VAN SAU	411153XXX2102	300,000
170	652	4678138	NGUYEN HUU NGA	411153XXX5111	300,000
171	125	6164222	LUU THI NGA	411153XXX2127	300,000
172	375	0030820	CAO THI THU HIEN	411153XXX9107	300,000
173	721	1141690	NGUYEN TUAN NGUYEN	411153XXX1117	300,000
174	211	2310520	TRAN DUC HOAI PHUONG	411153XXX0207	145,720
175	650	4579349	LE THANH TAN	411153XXX4127	273,821
176	471	3597968	PHAM CAO CUONG	411153XXX4106	178,686
177	211	6274946	PHAM VAN KHOI	411153XXX4104	300,000
178	144	4929842	QUACH TU LAN	411153XXX1100	120,120
179	213	1691943	NGUYEN QUANG DICH	411153XXX2109	300,000
180	310	1868841	NGUYEN THI QUYNH DIEP	411153XXX3209	126,581
181	760	1130479	NGUYEN THI NGOC	411153XXX4114	390,438
182	122	5354918	NGUYEN THU THUY	411153XXX7116	300,000
183	128	1299056	HOANG THI THUY VAN	411153XXX0102	300,000
184	119	1101262	LE HOANG DUE	411153XXX7105	300,000
185	123	5131332	TRAN TRANG THAO	411153XXX0223	300,000
186	125	0457514	NGUYEN NGOC DUY	411153XXX9107	300,000
187	216	6967401	NGUYEN THI THANH HANG	411153XXX6107	300,000
188	216	6967421	GOMBOSEVA BERNADETT	411153XXX3202	139,366
189	125	4539655	VU THI NAM	411153XXX4103	300,000
190	651	7635258	NGUYEN THI DIEM SUONG	411153XXX9206	287,414
191	465	347506	PHAM QUANG HUYEN	411153XXX4105	283,560
192	135	6702101	TRAN HUU NGHIA	411153XXX2112	254,540
193	451	4975016	HA KIEU ANH	411153XXX1305	117,161
194	216	4835065	HOANG TOAN QUAN	411153XXX2104	300,000
195	315	4460147	VO THI THANH THAO	411153XXX3101	300,000
196	671	7678747	VO PHAN TRUNG KIEN	411153XXX7301	300,000
197	702	4485961	LE THANH NAM	411153XXX3108	300,000
198	310	1534105	NGUYEN THI QUYNH DIEP	411153XXX8106	143,552
199	211	1425813	NGUYEN NHU LAM	411153XXX1100	204,288
200	120	3701386	LE PHUONG THANH	411153XXX5118	116,227
201	216	1347191	PHAN THI THANH TU	411153XXX4100	112,867
202	212	841728	NGUYEN DUC THANH	411153XXX8119	259,547

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
203	315	4816668	NGUYEN THI NGOC LIEN	411153XXX9117	361,059
204	321	324137	LE THI THU THUY	411153XXX6107	197,175
205	371	2063631	DO VAN DU	411153XXX1100	473,934
206	130	2164503	NGUYEN HANH HA NGUYEN	411153XXX2201	300,000
207	123	0976832	BUI THI VAN ANH	411153XXX4101	124,416
208	652	5609206	DO THI HONG TRAM	411153XXX6119	174,389
209	488	4621930	DINH CAO KHUE	411153XXX1115	600,000
210	141	956500	PHAM THI HONG LOAN	411153XXX0104	300,000
211	189	614800	NGO PHI HAU	411153XXX3105	300,000
212	650	4975787	TRAN MINH DUC	411153XXX7100	131,070
213	261	128335	NGO PHU CUONG	411153XXX4103	300,000
214	261	7289929	NGUYEN THI MINH THOA	411153XXX2103	114,401
215	122	825330	NGUYEN THANH HANG	411153XXX8105	300,000
216	313	7056897	BUI THANH HUYEN	411153XXX2122	115,865
217	130	126974	NGUYEN THANH HUY	411153XXX0134	300,000
218	460	4852576	NGO THI YEN	411153XXX2114	300,000
219	451	1970738	KHUAT NGUYEN HOAN	411153XXX6101	272,348
220	130	1394622	TRAN THI MINH THAO	411153XXX7107	300,000
221	140	6261975	PHAN MINH AI	411153XXX9101	35,280
222	531	1112657	NGUYEN HOAI PHUONG	411153XXX3110	300,000
223	122	1427523	NGUYEN HAI NINH	411153XXX9206	133,735
224	214	1193205	TO THI DUONG	411153XXX5103	300,000
225	222	4563718	PHAM TRUNG THANH	411153XXX8106	300,000
226	222	751527	NGUYEN THI MINH HUE	411153XXX3117	300,000
227	730	4269380	NGUYEN KHAC TRUNG	411153XXX7104	300,000
228	138	6650262	NGUYEN THI THU MAI	411153XXX2100	300,000
229	611	2977416	PHAN CHAN LY	411153XXX9109	300,000
230	147	8542083	LE TRAN THUY VY	411153XXX2108	300,000
231	651	1099178	BUI THE TUNG	411153XXX4103	160,829
232	168	8590017	NGUYEN DUY TINH	411153XXX3102	300,000
233	214	8228562	VU THANH TRUNG	411153XXX2103	300,000
234	692	546274	PHAN NGOC SANH	411153XXX9107	300,000
235	670	7931657	BUI VAN DONG	411153XXX7104	300,000
236	220	0162076	LUU THUY LINH	411153XXX9208	133,607
237	427	2301102	DAO THI LIEN	411153XXX1105	300,000
238	144	4214536	NGUYEN LAN HUONG	411153XXX9101	238,218
239	551	4470410	DINH LE THAO NGUYEN	411153XXX7217	300,000
240	140	4704544	TRAN THANH DINH	411153XXX8102	166,570
241	279	7289614	TRAN TRINH	411153XXX2106	163,005
242	123	4997102	DO NGOC OANH	411153XXX1100	300,000
243	122	0936613	PHAM DUNG HUNG	411153XXX3100	300,000

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
244	651	8728109	TRAN THANH HOAI	411153XXX4103	300,000
245	125	4952187	LE TUAN ANH	411153XXX9100	174,445
246	120	5474511	NGUYEN KIM CUONG	411153XXX8102	125,037
247	442	5952375	NGUYEN HAI LONG	411153XXX7109	119,311
248	455	7777459	DAM ANH KY	411153XXX2101	300,000
249	432	8348819	BUI THI THUY TINH	411153XXX1100	139,918
250	199	6181462	NGUYEN ANH PHUONG	411153XXX7105	300,000
251	656	8538317	VUONG MY LINH	411153XXX4106	300,000
252	371	0783379	PHAM THI HONG	411153XXX0109	179,133
253	670	558676	LE HOANG VU	411153XXX9102	300,000
254	462	1085700	HOANG THI THUY	411153XXX8106	300,000
255	558	8791705	NGUYEN THI THUY NGA	411153XXX8116	140,698
256	130	8580650	HUYNH LY TUONG	411153XXX6116	300,000
257	601	0346460	LUONG DUC TUAN	411153XXX1107	300,000
258	215	0324435	VO THI PHUONG LAN	411153XXX9101	300,000
259	440	5843753	DINH THO QUANG	411153XXX9100	212,343
260	636	3754641	NGUYEN DINH LUONG	411153XXX4102	184,226
261	120	4598009	NGUYEN THUY LINH	411153XXX5106	115,915
262	760	6975384	NGUYEN THI NHU NGUYET	411153XXX0103	161,992
263	440	1238943	LE THI MAI THOA	411153XXX1107	300,000
264	151	1834150	HOANG QUANG KIEN	411153XXX8118	300,000
265	561	7384652	NGUYEN THI MAI TRAM	411153XXX0101	150,954
266	642	3953804	NGUYEN TO NGA	411153XXX6103	254,754
267	433	0891926	NGUYEN VAN CO	411153XXX3115	58,059
268	147	8139300	NGUYEN BAO TRANG	411153XXX3102	112,497
269	651	2614532	NGUYEN THI DUYEN	411153XXX5109	300,000
270	279	9244950	BUI XUAN TUNG	411153XXX6104	300,000
271	313	2675195	NGUYEN THI BICH HUYEN	411153XXX7118	151,347
272	561	6466427	LE VAN HINH	411153XXX0201	466,350
273	460	6990242	CHO HYEON DEOK	411153XXX8106	116,412
274	741	7806476	LUU THANH SANG	411153XXX7106	300,000
275	122	15531	NG LINH KIEU TRINH	411153XXX6210	24,838
276	124	40333	PHAM THI HAI HANG	411153XXX7101	258,599
277	463	1252444	LAI NGUYET HA	411153XXX8106	300,000
278	561	2282730	NGUYEN KIEN	411153XXX1208	265,445
279	661	1124626	NGUYEN THI LAN ANH	411153XXX7313	188,517
280	650	1751930	NGUYEN ANH THU	411153XXX2204	300,000
281	159	4474676	NGUYEN ANH HIEU	411153XXX5111	138,156
282	135	7748949	LE MINH THANH	411153XXX6108	242,590
283	601	9560806	HUYNH DAC TRI	411153XXX4109	159,037
284	133	0754989	MAI THI THU HUYEN	411153XXX8102	127,991

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
285	310	3467615	HUA NG HOANG CHAU	411153XXX2107	299,095
286	151	2455981	NGUYEN PHUONG ANH	411153XXX3110	131,654
287	220	2056524	KHUC THI NGUYET HAO	411153XXX4109	300,000
288	650	5874631	NGUYEN VAN BAN	411153XXX3106	125,553
289	130	1687683	BUI QUOC HONG	411153XXX9112	300,000
290	390	2227623	DO ANH TAI	411153XXX8108	300,000
291	211	0136823	PHAN BANG AN	411153XXX7200	300,000
292	670	2368440	VO THI TUYET PHUONG	411153XXX0109	193,019
293	670	2368440	NGUYENTHANHPHUONGNAM	411153XXX0208	149,486
294	181	4594420	BUI THI KIM HOA	411153XXX8117	121,867
295	147	9598576	NGUYEN HUY PHUC	411153XXX7100	300,000
296	199	5030031	NGUYEN HIEN ANH	411153XXX0201	212,554
297	551	9387819	TRAN THI PHUONG ANH	411153XXX0103	286,425
298	375	9896199	HOANG THE TRUNG	411153XXX1104	300,000
299	650	2213976	HA MY HANH	411153XXX4107	300,000
300	126	3111920	VU KIM DUNG	411153XXX5101	65,088
301	432	8696158	NGUYEN VU THU HOAN	411153XXX4106	300,000
302	122	7996092	DAO VAN TU	411153XXX0107	300,000
303	650	2744403	NGUYEN HOANG TAM	411153XXX7109	300,000
304	310	0967396	LUU NHAT MINH	411153XXX5212	300,000
305	135	9979695	NGUYEN HUYNH NGUYEN	411153XXX3108	300,000
306	650	4812864	DUONG HUONG THAO	411153XXX2106	300,000
307	123	1837147	DO THI MAI LAN	411153XXX5105	600,000
308	220	1598139	LE THI PHUONG	411153XXX1108	129,334
309	650	3139769	LE THI LINH	411153XXX3104	140,881
310	261	3245808	DANG HOANG LINH	411153XXX2113	126,021
311	561	1812453	NGUYEN NGUYEN GIA HAN	411153XXX7217	141,435
312	427	9562867	KONNO KAZUAKI	411153XXX9104	217,351
313	761	5128317	LE THI HUONG	411153XXX2101	300,000
314	125	000010230295	BUI XUAN DANG	411153XXX2100	300,000
315	216	4896649	NGUYEN ANH HIEU	411153XXX4107	311,317
316	147	4483839	LEE MEI SIU	411153XXX7119	116,750
317	132	7724467	LE THANH PHU	411153XXX9101	262,520
318	650	0118121	LY TIEU BINH	411153XXX0103	114,092
319	216	9484696	NGUYEN THI LINH GIANG	411153XXX1100	300,000
320	679	7441316	LAM HUNG	411153XXX5306	300,000
321	741	0449852	VO HUY HOANG	411153XXX5218	300,000
322	129	0272883	NGUYEN THI HOA	411153XXX5113	300,000
323	125	000010534882	DANG XUAN QUYNH	411153XXX3107	300,000
324	260	1504632	KHONG THI QUY	411153XXX2106	300,000
325	679	9930273	NGUYEN MINH HAU	411153XXX9105	300,000

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
326	650	1587071	TRAN THI HUE	411153XXX6105	255,105
327	650	4571892	LE TRUNG TIN	411153XXX5123	300,000
328	122	9237513	TRAN DUC CANH	411153XXX9105	251,141
329	215	1316892	CAO XUAN HOANG	411153XXX3207	129,930
330	310	9409025	DANG THI HOAI THANH	411153XXX1106	288,184
331	124	0998381	TU QUOC HOC	411153XXX2104	300,000
332	440	2954945	NGUYEN DUC TRUNG	411153XXX2102	300,000
333	721	1248809	LE MINH NHUT	411153XXX7101	105,684
334	310	2954658	LE VAN HIEN	411153XXX7205	152,756
335	150	1401924	TRAN THI YEN LINH	411153XXX1102	180,904
336	256	7342791	VU HONG KIEN	411153XXX9102	600,000
337	215	4804964	LUU THI HAI PHUONG	411153XXX4107	300,000
338	189	3131486	TRINH KIEN CUONG	411153XXX4109	182,254
339	556	9296601	NGUYEN XUAN HIEP	411153XXX6102	600,000
340	762	9571543	DO QUAN TRUONG	411153XXX5108	300,000
341	390	2328000	DANG THI THANH HUONG	411153XXX9103	310,927
342	260	9521221	NGUYEN THI HUYEN ANH	411153XXX5108	109,272
343	122	4955942	NGUYEN DINH HOANG	411153XXX3105	181,388
344	551	9317364	PHAN THIEN DINH	411153XXX8104	282,723
345	139	6203468	TRAN TUYET NGOC	411153XXX4101	160,808
346	261	1877005	NGUYEN HOANG LONG	411153XXX5101	300,000
347	211	9658261	NGUYEN HUONG GIANG	411153XXX0106	133,009
348	120	0009176	TA MY LE	411153XXX4115	300,000
349	315	0064975	TRAN THI TRANG THU	411153XXX4109	300,000
350	212	0356249	NGUYEN THI THAO	411153XXX9108	300,000
351	211	1827004	NGUYEN THI HONG HANH	411153XXX0104	300,000
352	651	3313109	NGUYEN BAO TRAN	411153XXX5204	132,614
353	125	0270239	PHAM DIEP ANH	411153XXX3108	185,163
354	151	1075203	NGUYEN THI THU HUONG	411153XXX6206	300,000
355	656	0125850	DO TON HOANG HUY THU	411153XXX2102	300,000
356	212	0006944	DANG THI MINH NGUYET	411153XXX3102	167,947
357	670	0110740	VO QUANG HA	411153XXX8104	300,000
358	151	9340358	AN VU DIEU LINH	411153XXX4106	150,764
359	215	3721646	HOANG THI KIM OANH	411153XXX9119	192,280
360	651	6181570	HOANG MINH THU	411153XXX1107	300,000
361	650	9775929	NGUYEN NGO DUY KHANG	411153XXX4105	300,000
362	122	2896777	TRAN BANG TUE	411153XXX2100	300,000
363	215	1906322	DANG DUC THANG	411153XXX8106	256,517
364	314	6045084	NGUYEN THI NGOC DIEP	411153XXX7104	111,617
365	120	2970485	TRAN TRONG SON	411153XXX9103	300,000
366	181	0828151	MAI HOANG HA	411153XXX2107	183,885

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
367	181	6054673	PHAN THANH HAI	411153XXX3102	368,952
368	260	9508336	TRAN THI THANH LIEN	411153XXX5108	300,000
369	440	3798929	PHAM DINH QUYNH	411153XXX1106	300,000
370	168	0590527	TRUONG THI MINH HANG	411153XXX5106	300,000
371	313	1087573	TRAN THI KIM HUONG	411153XXX4100	178,807
372	212	6510972	VU LAN PHUONG	411153XXX7106	278,017
373	121	0001195	TRAN THI THU HANG	411153XXX0200	156,470
374	260	5947433	TRAC QUANG THINH	411153XXX8109	105,481
375	482	3993985	TA DUC THANG	411153XXX6101	300,000
376	398	5320539	TA THI NGOC NUONG	411153XXX9122	300,000
377	160	4256519	LE THI LIEU	411153XXX3104	300,000
378	122	000010813150	NGUYEN THI THUY	411153XXX7103	105,978
379	522	0519742	NGUYEN THUY DUNG	411153XXX9200	119,378
380	215	0566466	UONG GIA PHU	411153XXX2204	125,127
381	220	9431908	DANG DUC DUNG	411153XXX8103	600,000
382	766	0603235	NGUYEN THI BINH	411153XXX6102	300,000
383	289	4003550	TRAN PHUC HUY	411153XXX1202	300,000
384	166	0069753	NGUYEN THI LOAN	411153XXX3102	300,000
385	220	2751915	DOAN THI HONG THAM	411153XXX8104	300,000
386	144	1655669	PHAM QUOC HUY	411153XXX5206	171,217
387	432	0173202	LE VAN MINH	411153XXX0101	300,000
388	217	0047058	DUONG MINH HAO	411153XXX0209	166,663
389	601	1165130	HO HAI YEN	411153XXX8107	107,440
390	119	000011339576	LE THI THU GIANG	411153XXX7205	220,144
391	570	8441085	KER SENG HONG	411153XXX0105	159,667
392	631	1097278	TRAN THAI PHOI AN	411153XXX5206	108,101
393	650	9359544	HO TAN CUONG	411153XXX4106	300,000
394	315	1237923	PHAM THI HUE HANG	411153XXX4107	300,000
395	310	000011330475	NGUYEN NAM TIEN	411153XXX9105	300,000
396	711	7941197	SRIHOM APINAN	411153XXX0103	127,085
397	135	0688232	HA PHUC DAT	411153XXX9226	300,000
398	398	2324292	NGUYEN HOANG DUY	411153XXX6205	231,967
399	398	9783323	VU THI THU HUYEN	411153XXX8107	300,000
400	211	1162473	CAO VIET HOANG	411153XXX9100	187,558
401	199	2164758	BUI TIEN TRUNG	411153XXX7102	300,000
402	531	2485327	BUI THI HA	411153XXX1104	300,000
403	279	000010713596	NGUYEN CONG BINH	411153XXX6101	160,497
404	692	0546193	BUI THI NGOC HA	411153XXX0207	300,000
405	581	0923245	HUYNH TRAN NHAT Y	411153XXX5207	283,071
406	330	0773442	LE THU HIEN	411153XXX1104	146,705
407	371	2113143	TRAN CONG BON	411153XXX3108	300,000

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
408	601	3653242	PHAN THI CAM VAN	411153XXX2109	238,139
409	214	1624930	TRAN THI NGOC ANH	411153XXX6105	300,000
410	118	2056504	NGHIEM THI THUY	411153XXX9104	450,629
411	215	000011602610	NGO KHAC TU	411153XXX1100	108,142
412	123	1565429	VU THI PHUONG	411153XXX7100	117,646
413	766	2231651	VU THI HUONG	411153XXX5104	300,000
414	217	1097686	TRAN VAN THANH	411153XXX2201	300,000
415	533	9773912	HA PHUONG ANH	411153XXX0102	271,745
416	650	2826423	NGUYEN HOANG THANG	411153XXX7107	195,282
417	313	000011685966	YUEN TIMOTHY TAN	411153XXX1208	106,126
418	260	4504700	PHAN THI HIEN	411153XXX4100	300,000
419	256	000010405866	GIAP THI HIEN	411153XXX4102	300,000
420	341	3371892	HOANG THI TO HUONG	411153XXX8101	300,000
421	421	0399733	LE SINH PHUC	411153XXX7106	300,000
422	130	1279340	NGUYEN HUU THO	411153XXX9201	295,423
423	215	5905415	DAO ANH TUAN	411153XXX1101	142,235
424	501	9924391	NGUYEN THI THU PHUONG	411153XXX1100	131,403
425	123	2734996	PHAM THY ANH	411153XXX9109	119,320
426	323	0636682	TA THI THU HUONG	411153XXX5104	159,659
427	211	1956423	DAM THI KIM OANH	411153XXX2106	180,776
428	314	000011818084	TRAN THI TO QUYEN	411153XXX1107	204,568
429	440	0479767	PHAM THI LY	411153XXX9108	300,000
430	260	1383863	PHAN DUC HUY	411153XXX4108	233,813
431	742	6023782	BUI PHI TRUC	411153XXX6205	166,648
432	144	5417039	DO MINH NGUYET	411153XXX1107	300,000
433	642	2577613	NGUYEN VIET BAO	411153XXX5115	189,519
434	123	6221289	PHAM TUAN NGOC	411153XXX5103	300,000
435	135	2306128	NGUYEN TU QUANG	411153XXX6106	295,029
436	440	3018696	VI QUANG HAI	411153XXX0108	120,390
437	120	0006549	TRAN THI MINH HOA	411153XXX7103	189,514
438	120	0006549	DUONG ANH TUAN	411153XXX7202	198,664
439	330	9116466	LE HAI HOA	411153XXX1104	600,000
440	125	1960086	NGUYEN HONG TRANG	411153XXX0100	300,000
441	215	3811065	NGUYEN DINH DUNG	411153XXX2100	265,056
442	432	1860901	HOANG LUONG DUNG	411153XXX3205	237,735
443	651	4084033	NGUYEN TIEN DAT	411153XXX1101	309,160
444	215	000012176244	LE THU TRANG	411153XXX4107	300,000
445	561	000012214704	LE TRUONG GIANG	411153XXX8204	345,397
446	696	0546513	TRAN PHAN MINH DUC	411153XXX4107	260,184
447	651	3260337	PHAN DINH THUONG	411153XXX0105	105,189
448	422	3196958	NGUYEN DUC TRUYEN	411153XXX0109	300,000

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
449	460	5281159	DOAN MINH DUC	411153XXX0101	206,174
450	310	9250287	HUYNH KIM HUONG	411153XXX8100	145,829
451	566	000010422009	HO THI TRAM	411153XXX6103	192,638
452	450	3411976	NGUYEN MANH TUAN	411153XXX4103	299,111
453	111	1882260	NGUYEN H MINH TUYET	411153XXX4101	300,000
454	558	9915167	NGUYEN QUOC TRUNG	411153XXX0101	300,000
455	311	2248807	NGUYEN THI KIM LIEN	411153XXX5109	119,983
456	214	000012043249	NGUYEN TIEN TUAN	411153XXX1106	122,879
457	211	8147037	NGUYEN ANH VAN	411153XXX3103	126,408
458	432	1872223	NGUYEN THI THUY	411153XXX3102	300,000
459	135	000011201457	TRAN THI THUY TRANG	411153XXX1105	300,000
460	139	000012505817	NGUYEN THI THE YEN	411153XXX4104	110,835
461	180	000012361500	NGUYEN T PHUONG THAO	411153XXX6106	300,000
462	121	4921435	TRAN THI THU HUONG	411153XXX1103	300,000
463	123	000012369558	BUI NGOC TU	411153XXX6104	300,000
464	314	0338489	NGUYEN TAT THANG	411153XXX2106	515,842
465	118	7797290	LUONG ANH CHIEN	411153XXX2102	300,000
466	368	000012605484	CHAU VAN VINH	411153XXX5103	167,460
467	450	2272951	PHAM HAI HA	411153XXX6107	300,000
468	655	4448066	LE THI GIANG LINH	411153XXX6105	300,000
469	147	000012500740	HUYNH BA PHUNG	411153XXX7107	300,000
470	177	9111764	NGUYEN VAN HOI	411153XXX4100	111,784
471	130	3666837	NGO THI CAM TU	411153XXX5100	300,000
472	151	000012558268	PHAM SONG HONG	411153XXX5100	161,092
473	679	000012550515	PHAN THANH LAC	411153XXX8104	300,000
474	214	2418451	TRAN THI KIM PHUONG	411153XXX8101	284,410
475	150	9784898	NGUYEN MINH QUANG	411153XXX4106	300,000
476	762	3323456	NGUYEN THI THANH THUY	411153XXX1102	300,000
477	120	000012780854	DAO MINH HANG	411153XXX6105	112,014
478	120	0013872	VU TUAN HOANG	411153XXX4200	109,285
479	671	3732757	LE QUANG TRUNG	411153XXX4102	170,773
480	129	000012878532	NGUYEN NGOC ANH	411153XXX4102	282,979
481	138	2821913	NGUYEN MINH TRUNG	411153XXX2105	300,000
482	211	0138487	NGUYEN THANH MAI	411153XXX4110	600,000
483	650	000012489858	HUANG KUAN YUN	411153XXX6101	407,372
484	650	3778551	NGUYEN PHAM THANH HUY	411153XXX4100	396,571
485	119	9451978	NGUYEN VAN NINH	411153XXX2100	300,000
486	460	9486254	NGUYEN VINH THO	411153XXX2107	300,000
487	121	000013163847	HOANG THI HONG	411153XXX5107	300,000
488	313	000010101285	NGUYEN THI LE QUYEN	411153XXX9105	300,000
489	450	6546452	NGUYEN THI HONG NHUNG	411153XXX8105	222,174

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
490	139	000013200906	LE THANH TUAN	411153XXX9108	300,000
491	123	5876749	SU VAN THANH	411153XXX7208	158,460
492	741	7473891	VO THI LE	411153XXX7103	177,931
493	650	9583601	CHAU THI MY LINH	411153XXX4107	300,000
494	151	3429962	NGUYEN THU HANG	411153XXX7107	163,122
495	425	000011921504	NGO THI THU HANG	411153XXX4101	300,000
496	655	5588491	NGUYEN CUU PHA	411153XXX9106	161,614
497	149	000013068460	LE QUANG VU	411153XXX9105	300,000
498	117	7269434	PHAN THI XUAN HONG	411153XXX2108	300,000
499	211	000011699978	VU CONG ANH	411153XXX1109	229,744
500	260	3583744	NGUYEN HONG NHUNG	411153XXX0109	120,993
501	213	1903495	DO THI HUYEN TRANG	411153XXX0104	152,608
502	220	5012401	PHAM THUY HIEN	411153XXX9108	300,000
503	135	4378493	NGUYEN HA DUY	411153XXX3106	149,040
504	168	000012294920	HO PHAN THANH THUY	411153XXX0101	300,000
505	214	1672871	NGO THI THANH HA	411153XXX9105	241,352
506	616	4656332	LUONG NHAT KHOA	411153XXX4109	108,984
507	144	9141122	DAO XUAN THINH	411153XXX3109	300,000
508	216	0006847	LUONG NGOC TU	411153XXX7104	231,964
509	443	4158616	LE ANH TUYET	411153XXX4105	300,000
510	670	2246003	VU THI NGOC	411153XXX3104	287,574
511	766	1451147	LAM QUAN TRUNG	411153XXX1205	215,858
512	220	9067465	NGUYEN THI CUC	411153XXX2107	284,112
513	441	8820550	TA LE HUY	411153XXX0106	300,000
514	560	7792046	TRAN QUOC THE	411153XXX8100	212,528
515	444	3690407	PHAM THI SEN	411153XXX3100	300,000
516	679	7442146	NGUYEN THI HIEN	411153XXX2109	300,000
517	177	8883439	DANG THANH TIN	411153XXX9106	300,000
518	341	1126666	NGUYEN THI HAI YEN	411153XXX8104	300,000
519	766	1243699	NGUYEN MINH TUAN	411153XXX2105	300,000
520	650	000013546023	LE THANH CUNG	411153XXX8101	300,000
521	150	1519627	HO THI HUYEN THUONG	411153XXX9102	126,902
522	122	6934972	TRAN HUY TUNG	411153XXX6106	184,714
523	180	0073037	TRAN QUOC CHANH	411153XXX9101	300,000
524	260	6627041	EIJI RYU	411153XXX1105	203,690
525	448	9336412	TRAN THANH NAM	411153XXX4113	271,974
526	149	4970888	LY MY NGOC	411153XXX2103	300,000
527	621	6526793	HUYNH HUU VU	411153XXX4109	300,000
528	323	3913141	PHAM THANH HA	411153XXX9104	137,187
529	125	5714949	TRAN QUOC TRUNG	411153XXX5107	300,000
530	168	8494732	LAM THI PHUONG THANH	411153XXX6107	151,858

STT	CN	SỐ CIF	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ THẺ	SỐ TIỀN THƯỞNG (VNĐ)
531	121	3064343	DOAN PHUONG ANH	411153XXX5104	119,899
532	321	8341634	NGUYEN HAI AN	411153XXX9106	300,000
533	602	4952877	NGUYEN THI QUYEN	411153XXX5101	115,481
534	760	0604080	NGUYEN QUANG NHAT	411153XXX2206	120,011
535	760	1312066	DO NAM LONG	411153XXX4200	300,000
536	116	4566189	NGUYEN QUOC HUY	411153XXX0107	300,000
537	121	1008999	NGUYEN THE HUNG	411153XXX7109	300,000
538	135	1002713	LE THI NGOC DUYEN	428695XXX1116	300,000
539	311	1833608	DUONG THI BAO CHAU	428695XXX6209	300,000
540	215	1665557	PHAM HONG GIANG	428695XXX5209	300,000
541	440	0495010	PHAM THI PHUONG	428695XXX0105	300,000
542	371	1640564	BUI THI THUY HANH	428695XXX1109	203,490
543	213	147162	NGUYEN THU HOAI	428695XXX6205	109,612
544	140	0639446	TRUONG THI HOA	428695XXX8104	198,671
545	560	0586616	NGUYEN T PHUONG TUYEN	428695XXX2109	300,000
546	123	1063416	HO THI THIEN NGA	428695XXX6112	300,000
547	760	0607625	PHAM DUY PHUONG	428695XXX2105	300,000
548	122	1728707	TRAN THI THANH HUONG	428695XXX4115	189,274
549	215	2999850	LUONG THU HIEN	428695XXX7117	105,887
550	215	0357039	NGUYEN PHUONG HOAI NAM	428695XXX3105	215,226
551	140	4239142	NGUYEN THI HAI HA	428695XXX5112	300,000
552	330	3806649	TRAN THI THU TRANG	428695XXX4102	123,939
553	220	1546252	NGUYENTHI THANH HUYEN	428695XXX9104	129,943
554	561	4310012	LE THI PHUONG THAO	428695XXX0104	115,722
555	671	2919834	DOAN XUAN MAI	428695XXX7129	287,248
556	130	0064963	PHAM BA TUAN	428695XXX5125	153,331
557	310	1710326	PHAM XUAN THUY	428695XXX6104	131,799
558	561	2006262	LE QUANG VINH	428695XXX4101	300,000
559	124	1709078	CAO HUNG CUONG	428695XXX9105	111,322
560	650	83908	HO BAO CHAU	428695XXX3200	203,351
561	560	3996103	VO THI LIEN	428695XXX4107	300,000
562	122	2668805	NGUYEN THI MINH	428695XXX7115	225,758
563	310	5123493	HO THI ANH THU	428695XXX3115	284,174
564	260	0337561	HOANG THI HONG NHUNG	428695XXX5119	300,000
565	260	5396623	NGUYEN THI THUY HANG	428695XXX0106	296,375
566	531	2080493	NGUYEN QUANG HOA	428695XXX8104	300,000
567	651	1542667	HUYNH THI CAM NHU	428695XXX8103	257,874
568	520	511295	VO THI KIM CHI	428695XXX7117	239,774
569	261	5141241	BUI THI QUYNH NGA	428695XXX4103	300,000
570	650	5595116	PHAN THI HONG NHUNG	428695XXX3100	300,000
571	119	1158564	LE TRUNG NHUT	428695XXX6212	231,063